

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ II

BÀI 13: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954-1975)

DẠNG I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Sau ngày 2-9 - 1945, hoạt động đối ngoại của Việt Nam không nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Tranh thủ sự ủng hộ tích cực của quốc tế.
- B. Tránh đối đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù.
- C. Bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng.

D. Giúp Lào hàn gắn vết thương chiến tranh

Câu 2: Từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước ngày 6 - 3 - 1946, đối với quân Trung Hoa Dân quốc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương

- A. hòa hoãn và tránh xung đột.**
- B. kiên quyết đấu tranh đến cùng.
- C. cứng rắn về sách lược.
- D. mềm dẻo về nguyên tắc.

Câu 3: Năm 1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có hoạt động đối ngoại nổi bật nào sau đây với Pháp?

- A. Ký Hiệp định Sơ bộ.**
- B. Ký Hiệp ước Hác-măng.
- C. Ký Định ước Hen-xin-ki.
- D. Ký Hiệp ước Pa-tơ-nốt.

Câu 4: Sau ngày 2 - 9 - 1945, hoạt động đối ngoại của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời.**
- B. Việt Nam đã thoát khỏi tình thế bao vây và cô lập.
- C. Miền Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến hành trên cả nước.

Câu 5: Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam?

- A. Điện Biên Phủ trên không.
- B. Tiến công chiến lược 1972.
- C. Chiến dịch Huế-Đà Nẵng.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 6: Từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước ngày 6 - 3 - 1946, hoạt động đối ngoại của Việt Nam có tác động như thế nào?

- A. Tránh được một lúc phải đối đầu với nhiều kẻ thù.
- B. Nhận được sự giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô.
- C. Giúp Việt Nam thoát khỏi tình thế bao vây, cô lập.
- D. Giúp Việt Nam xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Câu 7: Trong giai đoạn 1950-1954, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện hoạt động đối ngoại nào sau đây?

- A. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô.**
- B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trên thế giới.
- C. Đàm phán và kí kết Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh.
- D. Chuyển sang giai đoạn vừa đánh, vừa đàm với thực dân Pháp.

Câu 8: Một trong những chính sách đối ngoại của Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) là

- A. củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.**
- B. bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Ấn Độ.

- C. hợp tác toàn diện với Nhật Bản, Hàn Quốc và Pháp.
- D. củng cố, phát triển quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 9: Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng bối cảnh hoạt động đối ngoại của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau ngày 2-9-1945?

- A. Xu thế hòa hoãn Đông-Tây trên thế giới đã xuất hiện.
- B. Hệ thống xã hội chủ nghĩa dần hình thành trên thế giới.
- C. Việt Nam chưa thoát khỏi tình thế bị bao vây, cô lập.
- D. Việt Nam chưa được quốc gia nào đặt quan hệ ngoại giao.

Câu 10: Hoạt động đối ngoại của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 19-12-1946 có tác dụng nào sau đây?

- A. Tránh được cùng lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.
- B. Nhận được viện trợ của Trung Quốc và Liên Xô.
- C. Giúp Việt Nam thoát khỏi tình thế bị bao vây, cô lập.
- D. Giúp Việt Nam xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** bối cảnh hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)?

- A. Việt Nam đã thoát ra khỏi tình thế bị bao vây và cô lập.
- B. Thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
- C. Tình trạng Chiến tranh lạnh đã chấm dứt trên thế giới.
- D. Trật tự thế giới theo xu thế đa cực đang dần hình thành.

Câu 12: Sự kiện nào sau đây được đánh giá là đỉnh cao thắng lợi trên mặt trận ngoại giao của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)?

- A. Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973).
- B. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết (1954).
- C. Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- D. Việt Nam gia nhập vào tổ chức Liên Hợp quốc.

Câu 13: Từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19 - 12 - 1946, đối với quân Trung Hoa Dân quốc và thực dân Pháp, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương

- A. hòa với Pháp để đuổi Tưởng về nước.
- B. hòa với Tưởng để đuổi Pháp về nước.
- C. kiên quyết kháng chiến đến cùng.
- D. cứng rắn và không nhượng bộ chúng.

DẠNG II: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (2 câu)

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Ngày 18 tháng 01, Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chính thức công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 30/01/1950, Chính phủ Liên Xô công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 03 tháng 02, từ Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Liên Xô, hội đàm với IV. Stalin, người đứng đầu Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên Xô. Chính phủ Liên Xô đã bày tỏ sự đồng tình ủng hộ và sẵn sàng giúp đỡ nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp".

(Vũ Dương Ninh, Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940 – 2000) NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.77)

- a) Từ những năm 50 của thế kỉ XX, hậu phương kháng chiến của nhân dân Việt Nam được mở rộng về không gian địa lý.
- b) Trung Quốc và Liên Xô đặt quan hệ ngoại giao từ năm 1950 góp phần phá vỡ tình thế Việt Nam bị bao vây và cô lập.
- c) Thắng lợi của ngoại giao từ năm 1950 làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ hơn cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam.
- d) Các nước đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam từ năm 1950 là thắng lợi ngoại giao lớn nhất trong kháng chiến chống Pháp.

Đáp án: a) Đ, b) Đ, c) Đ, d) S

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Cuộc chiến ngoại giao Hồ Chí Minh giai đoạn 1945 – 1946 với nước Pháp diễn ra trong điều kiện vô cùng khó khăn khi nhà nước độc lập non trẻ đứng trước vô vàn thử thách. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền ngoại giao non trẻ đã xuất sắc bảo vệ chủ quyền và nền độc lập: hoà với Tưởng, tập trung chống Pháp xâm lược ở miền Nam, rồi hoà với Pháp với việc ký kết Hiệp định Sơ bộ để đuổi Tưởng về nước, góp phần giữ vững Nhà nước độc lập non trẻ rồi đến Hiệp định Tam ước.

- a) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 diễn ra khi đất nước mất độc lập.
- b) Chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 cứng rắn, lập trường nhất quán.
- c) Thành quả lớn nhất của ngoại giao Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 là bảo vệ vững chắc chủ quyền.
- d) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 tận dụng mâu thuẫn nội bộ đối phương.

Đáp án: a) S, b) S, c) Đ, d) Đ

Bài 14: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

DẠNG I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Phá thế bao vây, cấm vận.
- B. Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác.
- C. Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế.
- D. Việt Nam trở thành thành viên chủ lực nhất trong tổ chức ASEAN.

Câu 2: Một trong những thành tựu to lớn của các hoạt động đối ngoại đem lại cho Việt Nam từ năm 1986 đến nay là

- A. sự ủng hộ, những viện trợ quân sự to lớn đến từ Nga.
- B. vị thế, uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao.
- C. đã có hơn mười nước là đối tác chiến lược toàn diện.
- D. đang ứng cử ghế ủy viên thường trực Hội đồng bảo an.

Câu 3: Trong giai đoạn 1975-1985, Việt Nam coi trọng phát triển quan hệ ngoại giao toàn diện với quốc gia nào sau đây?

- A. Liên Xô.
- B. Anh.
- C. Mỹ.
- D. Pháp.

Câu 4: Năm 1991, Việt Nam có hoạt động đối ngoại nổi bật nào sau đây?

- A. Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
- B. Phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Nhật Bản.
- C. Việt Nam và Hoa Kỳ đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
- D. Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Câu 5: Năm 1995, Việt Nam có hoạt động đối ngoại nổi bật nào sau đây?

- A. Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
- B. Phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Ấn Độ.
- C. Việt Nam và Liên Xô ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác.
- D. Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Câu 6: Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức nào sau đây?

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- B. Liên minh chính trị - quân sự Vác-sa-va.
- C. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
- D. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Câu 7: Trong thời kỳ Đổi mới (tháng 12-1986 đến nay), Việt Nam không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ hữu nghị, đặc biệt là với một trong những quốc gia nào sau đây?

A. Cu-ba. B. Thái Lan C. In-đô-nê-xi-a. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 8: Quốc gia nào sau đây có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ tháng 12-1986 đến nay)?

A. Ấn Độ. B. Anh. C. Pháp. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 9: Trong thời kì 1975-1985, hoạt động đối ngoại của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Việt Nam đã hoàn toàn thống nhất về lãnh thổ.

B. Thế bao vây, cấm vận Việt Nam đã được dỡ bỏ.

C. Cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra quyết liệt.

D. Miền Bắc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Câu 10: Từ năm 1986 đến nay, hoạt động đối ngoại của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa đã phát triển.

B. Thế bao vây, cấm vận Việt Nam đã được dỡ bỏ.

C. Cuộc Chiến tranh lạnh đã chấm dứt hoàn toàn.

D. Cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra quyết liệt.

Câu 11: Nội dung nào sau đây là một trong những căn cứ để Đảng Cộng sản Việt Nam điều chỉnh đường lối đối ngoại trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986)?

A. Việt Nam đang gặp bất lợi trong quan hệ quốc tế.

B. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đang phát triển mạnh.

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á vừa thành lập.

D. Đất nước đang bị lực lượng Khơ-me Đỏ chống phá.

Câu 12: Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay) **không** có tác động nào sau đây?

A. Bước đầu thiết lập quan hệ với cách mạng thế giới.

B. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

C. Bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc.

D. Thúc đẩy sự phát triển của kinh tế, văn hóa và xã hội.

Câu 13: Việt Nam có đóng góp nào sau đây đối với cộng đồng quốc tế từ sau năm 1986?

A. Tham gia hỗ trợ nhân đạo, giúp đỡ các quốc gia khó khăn.

B. Gửi quân đội trực tiếp tham chiến chống Mỹ ở châu Phi.

C. Đảm nhận vị trí thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

D. Viện trợ vũ khí cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 14: Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** chủ trương đường lối động đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới (từ 1986 đến nay)?

A. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

B. Liên minh quân sự với các nước trong khu vực.

C. Kết hợp sức mạnh thời đại với sức mạnh khu vực

D. Liên minh chính trị với các nước Đông Nam Á.

Câu 15: Biểu hiện của quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô trong giai đoạn 1975 - 1986 là

A. chấm dứt bao vây, cấm vận nền kinh tế Việt Nam.

B. nhiều hiệp ước trên nhiều lĩnh vực được kí kết.

C. phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện.

D. phối hợp, giúp đỡ Campuchia chống Khơ-me Đỏ.

Bài 15: KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH

DẠNG I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam khi đang hoạt động ở

A. Anh. B. Pháp. C. Mỹ. D. Trung Quốc.

Câu 2: Một trong những ngôi trường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng theo học thuở nhỏ là

A. Quốc học Huế. B. Hoàng Phố. C. Quốc Tử giám. D. Đồng Khánh.

Câu 3: Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* khi đang hoạt động ở quốc gia nào sau đây?

A. Trung Quốc. B. Pháp. C. Liên Xô. D. Việt Nam.

Câu 4: Trong thời gian ở Pháp (1917-1923), Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

A. Tham gia sáng lập *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa*.

B. Tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản.

C. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

D. Chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

Câu 5: Nguyễn Ái Quốc lấy tên gọi Hồ Chí Minh lần đầu tiên khi

A. sang Xiêm hoạt động trong Việt kiều yêu nước (1928).

B. bị chính quyền Anh bắt giam ở Hồng Kông (1931).

C. từ Liên Xô về Trung Quốc để chuẩn bị về nước (1938).

D. sang Trung Quốc để vận động ngoại giao (1942).

Câu 6: Nội dung nào sau đây **không** phải là yếu tố ảnh hưởng đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành năm 1911?

A. Đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, thống trị.

B. Sự thất bại, bế tắc của các phong trào yêu nước.

C. Ý chí, quyết tâm cứu nước của Nguyễn Tất Thành.

D. Tác động của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 7: Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Véc-xai để

A. đòi quyền độc lập cho dân tộc Việt Nam.

B. đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam.

C. yêu cầu Pháp cải cách chế độ ở Việt Nam.

D. đòi chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam.

Câu 8: Nội dung nào sau đây là một trong những yếu tố cơ bản tác động đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước (1911) của Nguyễn Tất Thành?

A. Phong trào yêu nước chống Pháp theo khuynh hướng tư sản đã chấm dứt.

B. Đất nước bị mất độc lập, sự nghiệp cứu nước rơi vào khủng hoảng, bế tắc.

C. Phong trào đấu tranh chống Pháp và phong kiến tay sai đã ngừng hoạt động.

D. Nhân dân phản đối cuộc đấu tranh chống Pháp của các sĩ phu phong kiến.

Câu 9: Cuối thế kỉ XIX, hoàn cảnh nào sau đây của đất nước Việt Nam đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

A. Thực dân Pháp đã đặt được ách cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

B. Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản diễn ra rộng khắp.

C. Cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản.

D. Thực dân Pháp hoàn thành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Câu 10: Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình

A. nhà nho yêu nước. B. tiểu tư sản trí thức.

C. bần cố nông.

D. tư sản dân tộc.

Câu 11: Năm 1920, khi đang hoạt động ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã có đóng góp nào sau đây đối với lịch sử dân tộc Việt Nam?

A. Tìm ra con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản.

B. Chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

C. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

D. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

DẠNG II: Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (4 câu)

Câu 1:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc của đất nước và nhân dân Việt Nam. Người là một nhà lãnh đạo vĩ đại với tầm nhìn xa, ý chí và sức mạnh kiên cường, tấm lòng nhân ái bao la. Những phẩm chất sáng ngời của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ mãi soi sáng cho đất nước và nhân dân Việt Nam”.

(Trích: *Cảm tưởng khách quốc tế, khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại phủ Chủ tịch*).

- a) Anh hùng giải phóng dân tộc của đất nước và nhân dân Việt Nam được nhắc đến trong đoạn trích trên là Nguyễn Ái Quốc.
- b) Một trong những công lao to lớn của Người trong sự nghiệp giải phóng dân tộc là sáng lập ra Đảng cộng sản Đông Dương.
- c) Việc tìm ra con đường cách mạng vô sản không phải là công lao đầu tiên và quan trọng nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh.
- d) Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là việc làm được lan tỏa và mang lại hiệu quả tích cực trên nhiều lĩnh vực hiện nay.

Đáp án: a) Đ, b) S, c) S, d) Đ

Câu 2:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hồ Chủ tịch là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trái tim, khối óc của Người dành cho dân tộc Việt Nam ta cũng hướng về giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Là người học trò trung thành của Các Mác và Lê-nin, Hồ Chủ tịch chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại, mà còn là một chiến sĩ xuất sắc trong phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc của thế kỉ XX. Hồ Chủ tịch thường dạy chúng ta phải chăm lo bảo vệ sự đoàn kết quốc tế, vì sự nghiệp to lớn của cách mạng Việt Nam, vì nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới”.

(Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9-9-1969 tại Hà Nội, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.627)

- a) Điều văn ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lễ truy điệu được tổ chức tại Hà Nội sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần năm 1969.
- b) Nội dung đoạn điều văn cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh có cống hiến to lớn đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.
- c) Chủ tịch Hồ Chí Minh có vị trí, vai trò đặc biệt đối với tiến trình lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
- d) Phong trào cộng sản quốc tế hiện nay trên thế giới đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ và có sự đoàn kết chặt chẽ.

Đáp án: a) Đ, b) Đ, c) S, d) S

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau: “Không có vẻ kiêu kỳ, không có gì ngạo mạn trong lời nói, mà chỉ thấy niềm tin mãnh liệt vào nhân dân... Chưa bao giờ chúng tôi thấy sự giản dị và vĩ đại đi liền với nhau như vậy. Chưa bao giờ một con người khi nói với chúng tôi về các em nhỏ lại giáo dục chúng tôi nhiều như vậy. Tư tưởng và lời nói của Chủ tịch chứa đựng sự đau thương và 460 anh dũng của cả một dân tộc đã làm nên lịch sử của mình. Nhưng sự dịu hiền toả ra từ những lời nói chỉ có ở Chủ tịch Hồ Chí Minh!”

(Trích trong Hồ Chí Minh trong trái tim bạn bè quốc tế, NXB Sự thật, bài viết “Một người tượng trưng cho cả dân tộc” – R Agiende)

- a) Đoạn tư liệu cho thấy đức tính giản dị và gần gũi của Bác ngay cả khi gặp gỡ khách quốc tế.
- b) Đoạn tư liệu cho thấy sức cảm hoá lớn đối với người khác của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- c) Đoạn tư liệu đã cho thấy sự kính trọng của nhân vật đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- d) Đoạn tư liệu khẳng định mọi người đều cảm nhận được lòng yêu nước thương dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đáp án: a) Đ, b) Đ, c) Đ, d) S

Bài 16: HỒ CHÍ MINH – ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Câu 1: Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước từ 1911 đến 1930, Nguyễn Tất Thành **không** đặt chân đến quốc gia nào sau đây?

- A. Nhật Bản. B. Trung Quốc. C. Liên Xô. D. Thái Lan.

Câu 2: Năm 1941, sau khi về nước, Nguyễn Ái Quốc đã chọn nơi nào sau đây để xây dựng thành căn cứ địa cách mạng?

- A. Cao Bằng. B. Tuyên Quang. C. Tân Trào. D. Lạng Sơn.

Câu 3: Tháng 6-1945, theo Chỉ thị của Hồ Chí Minh, căn cứ địa cách mạng nào sau đây được thành lập?

- A. Khu Giải phóng Việt Bắc. B. Căn cứ Bắc Sơn-Võ Nhai.

- C. Trung ương Cục miền Nam. D. Chiến khu D-Tây Ninh.

Câu 4: Trong những năm 1941 đến năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh có hoạt động nào sau đây?

- A. Chủ trì Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (Tuyên Quang).

- B. Ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- C. Ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.

- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp vận động ngoại giao.

Câu 5: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, để giải quyết nạn đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

- A. Ký sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ.

- B. Kêu gọi nhân dân ủng hộ Tuần lễ vàng.

- C. Kêu gọi nhân dân “Nhường cơm sẻ áo”.

- D. Gửi lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu.

Câu 6: Tháng 12-1946, khi mọi nhân nhượng của Việt Nam đối với thực dân Pháp đã đi đến giới hạn cuối cùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ đã

- A. ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

- B. Ký với thực dân Pháp Hiệp định Sơ bộ.

- C. phát động nhân dân Nam bộ kháng chiến.

- D. trực tiếp sang Pháp để vận động ngoại giao.

Câu 7: Nội dung nào sau đây thể hiện việc Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng tại Trung Quốc.

- B. Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Nhân đạo, Đời sống công nhân.

- C. Xây dựng lý luận về đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

- D. Đào tạo cán bộ thực hiện các cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Câu 8: Trong thời gian hoạt động ở Pháp (1917-1923), Nguyễn Ái Quốc đã tham gia thành lập tổ chức nào sau đây?

- A. Hội Liên hiệp thuộc địa.

- B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- C. Đảng Cộng sản Đông Dương.

- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 9: Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ đầu tháng 3 đến tháng 12-1946) có tác dụng nào sau đây đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Buộc thực dân Pháp thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Sơ bộ.

- B. Đã tránh được cuộc chiến tranh với thực dân Pháp sau này.

- C. Kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

- D. Chuẩn bị trực tiếp cho Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.

Câu 10: Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao chân lí

- A. không có gì quý hơn độc lập tự do.

- B. đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

C. tranh thủ ủng hộ của bạn bè quốc tế.

D. biết người biết ta trăm trận trăm thắng.

Câu 11. Các bài thơ chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh mỗi dịp Xuân về có ý nghĩa gì?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

B. Tuyên bố độc lập, chủ quyền dân tộc.

C. Là lời động viên nhân dân cả nước.

D. Tổng kết kinh nghiệm chống Mỹ.

DẠNG II: Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (4 câu)

Câu 1:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“... Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba”.

(Hồ Chí Minh, *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Mác-Lê-nin*, trích trong: *Hồ Chí Minh*, Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.562)

a) Đoạn tư liệu thể hiện cảm xúc của Nguyễn Ái Quốc khi đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin.

b) Trong đoạn tư liệu, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.

c) Việc Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn đã chấm dứt hoàn toàn sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

d) Việc hoàn toàn tin theo Lê-nin đã định hình tư tưởng và chiến lược cách mạng của Hồ Chí Minh, tạo nền tảng cho sự lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.

Đáp án: a) Đ, b) Đ, c) S, d) Đ

Câu 2:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Ngày 18-6-1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi tới hội nghị Versailles “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” đòi Pháp và Đồng minh thừa nhận quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng của nhân dân An Nam. Tháng 07-1920 Nguyễn Ái Quốc đọc “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của V.I.Lênin, khẳng định con đường giành độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam. Từ ngày 10 đến 19-5-1941, chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 và thành lập Mặt trận Việt Minh. Giữa tháng 8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công, đưa tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2-9-1945).

a) Luận của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giúp Nguyễn Ái Quốc nhận thức: “Muốn giải phóng các dân tộc chỉ có thể dựa vào lực lượng của bản thân mình”.

b) Sau nhiều năm bôn ba khắp các châu lục, đến tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định được con đường giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

c) Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

d) Từ thực tiễn hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc cho thấy: cách mạng muốn thành công cần có một chính đảng tiên phong với đường lối đúng đắn sáng tạo.

Đáp án: a) S, b) Đ, c) Đ, d) Đ

Câu 3:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không

có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”.

(Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc chống Mỹ*, phát trên Đài Tiếng nói ngày 17-7-1966, trích trong: *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.131)

a) Lời kêu gọi cho thấy Hồ Chí Minh tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b) Đoạn tư liệu thể hiện mong muốn của Hồ Chí Minh khi Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.

c) Đoạn tư liệu thể hiện quyết tâm của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

d) Lời kêu gọi là một văn kiện lịch sử, có giá trị như lời hịch kêu gọi cả nước tấn công quân Mỹ.

Đáp án: a) Đ, b) S, c) Đ, d) S

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”.

(*Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.623)

a) Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân Việt Nam bắt đầu từ giữa thế kỉ XIX.

b) Ngày 27 - 01 - 1973, Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết đã đánh dấu thực hiện mục tiêu “*đánh cho Mỹ rút*”.

c) Ý chí thống nhất bảo vệ hoà bình của hai siêu cường Xô - Mỹ là nhân tố quan trọng tác động đến cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1954 – 1975.

d) Thực tiễn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Việt Nam (1954 – 1975) chứng tỏ thắng lợi của đấu tranh ngoại giao luôn phụ thuộc vào tình hình quốc tế và sự dàn xếp giữa các cường quốc.

Đáp án: a) S, b) Đ, c) S, d) S

PHẦN III TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Về chính trị, tư tưởng: thông qua các bài viết, NAQ tích cực tố cáo bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh dân dân, đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc:

+ Về tổ chức: Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm đào tạo những người yêu nước, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin, lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào phong trào yêu nước, phong trào công nhân.

- Triệu tập, chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Nguyễn Ái Quốc đã chủ động triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản đến Cửu Long (Hồng Công-Trung Quốc) để tiến hành hợp nhất.

+ Hội nghị tán thành ý kiến của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Trong đó, Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng đã phản ánh những vấn đề chiến lược và sách lược của Đảng.

Câu 2: Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Ngày 28 – 1 – 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn 1941 – 1945.

* Triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941) tại Pác Bó (Cao Bằng):

- Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là giải phóng dân tộc.
- Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng. Ở Việt Nam, thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh).
- Xác định hình thái là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.
- Nhân mạnh chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm.
- Chủ trương thành lập chính phủ Dân chủ Cộng hoà.
- Ý nghĩa: Hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng của Đảng, ghi nhận sự trở lại của tư tưởng Nguyễn Ái Quốc trong Cương lĩnh chính trị năm 1930.
- Sáng lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941).

* Xây dựng lực lượng chính trị:

- Thành lập Mặt trận Việt Minh.
- Khởi thảo Chương trình cứu nước của Việt Minh.

* Xây dựng lực lượng vũ trang:

- Nguyễn Ái Quốc biên soạn nhiều tài liệu để huấn luyện quân sự.
- Ngày 22 – 12 – 1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập do Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Tên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân nghĩa là chính trị quan trọng hơn quân sự. Đây là tiền thân của quân đội nhân dân Việt Nam.
- Tháng 5 – 1945, Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.

* Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng:

- Chọn Cao Bằng làm nơi thí điểm để xây dựng thành một trong hai căn cứ địa đầu tiên.
- Chuyển cơ quan chỉ đạo từ Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang).
- Thành lập Khu giải phóng Việt Bắc (6 – 1945).

* Thực hiện các hoạt động đối ngoại, đưa đến sự hợp tác, hỗ trợ của lực lượng Đồng minh đối với cách mạng Việt Nam: Từ 1945, thông qua vận động của Hồ Chí Minh, lực lượng Mỹ ở Côn Minh (Trung Quốc) đã hợp tác và hỗ trợ Mặt trận Việt Minh.

Câu 3. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

a. Giai đoạn 1945 – 1946.

- Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã thực hiện nhiều chính sách, biện pháp.

* Đối nội:

- Để giải quyết nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi “Nhường cơm sẻ áo”, “Tặng gia sản xuất”, thành lập Nha Bình dân học vụ, thành lập Quỹ Độc lập và phát động Tuần lễ vàng kêu gọi nhân dân ủng hộ. - Để tạo cơ sở pháp lí cho chính quyền và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu.

* Đối ngoại:

- Từ ngày 2 – 9 – 1945 đến trước ngày 6 – 3 – 1946: Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng tạm thời hoà hoãn, nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc để tập trung chống thực dân Pháp ở Nam Bộ (đổi đầu về quân sự). - Từ ngày 6 – 3 – 1946 đến trước ngày 19 – 12 – 1946: Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng thực hiện chủ trương “hoà để tiến”, kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946) và Tạm ước (14 – 9 – 1946), chuyển quan hệ Việt – Pháp từ đối đầu sang đối thoại, nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc về nước.

- Tác dụng:

- + Việt Nam đã tránh được cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.
- + Ta có thời gian hòa bình để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

b. Giai đoạn 1946 – 1954.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.
- Ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (sự nhân nhượng của Việt Nam đã đến giới hạn cuối cùng).
- Trong những năm 1946 – 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng hoạch định đường lối kháng chiến chống Pháp: Toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- Năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương (Đại hội kháng chiến thắng lợi).
- Mở rộng các hoạt động ngoại giao với nhân dân Pháp tiến bộ, các nước XHCN và các nước Đông Dương.
- Hợp tác và chỉ đạo các chiến dịch như Việt Bắc thu – đông 1947, Biên giới thu – đông 1950, cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 4. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1969).

* Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc: Chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (1960). Đây là Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

* Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, xác định đường lối và quyết tâm đánh thắng Mỹ:

- Năm 1959, chủ trì Hội nghị lần thứ 15 của Đảng xác định phương hướng của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, cho phép sử dụng bạo lực đánh Mỹ - Diệm.

- Từ 1965 – 1968, quân Mỹ và đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng phân tích tình hình, dự báo và thể hiện quyết tâm thắng Mỹ.

* Là biểu tượng đoàn kết và có vai trò to lớn trong đấu tranh ngoại giao:

- Vạch trần tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ, đón tiếp bạn bè quốc tế phản đối chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

- Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước và bạn bè quốc tế, đồng thời giữ vững đường lối độc lập tự chủ của Việt Nam

